

Số: /QĐ-UBND

Tứ Kỳ, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 166/TTr-KT&HT ngày 29 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030 (Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập,

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, trình duyệt) với nội dung chính sau:

I. Hồ sơ:

- Tên gọi: Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương.
- Hồ sơ gồm: 08 bản vẽ quy hoạch, Thuyết minh tổng hợp, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch và các văn bản kèm theo.

II. Nội dung của đồ án quy hoạch:

1. Vị trí, quy mô quy hoạch

Xã Quảng Nghiệp nằm phía Tây huyện Tứ Kỳ; vị trí ranh giới có tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Dân Chủ;
- Phía Đông giáp xã Đại Hợp;
- Phía Nam giáp xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang;
- Phía Tây giáp xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc.

Quy mô nghiên cứu toàn bộ phạm vi ranh giới hành chính xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích toàn xã 368,76 ha; bao gồm 03 thôn: Mỹ Đức (*làng Ngái*), An Đức (*làng Mạc*) và Kiêm Tân (*làng Gôm*).

2. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa Quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;
- Xây dựng và phát triển xã Quảng Nghiệp đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, góp phần vào sự phát triển của huyện Tứ Kỳ;
- Xây dựng xã Quảng Nghiệp phát triển bền vững trên cơ sở khai thác được các tiềm năng lợi thế, khắc phục được những hạn chế; có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; phát triển bền vững hài hòa với môi trường; giữ vai trò tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương;
- Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã; xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và thôn;
- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, cấp thôn;
- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình phù hợp với đặc điểm của địa phương;

- Định hướng tổ chức các khu vực công nghiệp, dịch vụ thương mại, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù trên địa bàn xã;
- Làm cơ sở, tạo hiệu quả sử dụng quỹ đất để thu hút đầu tư xây dựng phát triển khu dân cư và triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng;
- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại;
- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kết nối các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, tạo tiền đề để triển khai các dự án khả thi, tiền khả thi.

3. Quy mô dân số

- Tổng dân số toàn xã là 4.928 người;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được xác định 0,91%. Dự báo tăng dân số tự nhiên khoảng 419 người, tăng cơ học khoảng 1.000 người;
- Dự báo dân số đến năm 2030 là 6.347 người.

4. Quy hoạch không gian

Trên cơ sở các số liệu khảo sát, đánh giá hiện trạng và rà soát quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ, đồng thời dựa trên nhu cầu thực tế đề xuất cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch như sau:

- Xã Quảng Nghiệp được phát triển chủ yếu dọc theo tuyến đường Quốc lộ 37 và tuyến đường trục xã, từ đó phát triển ra các khu chức năng gồm: Hành chính, công cộng, giáo dục, dân cư mới và dịch vụ. Trục cảnh quan khu vực trung tâm hành chính là điểm nhấn của xã thuộc thôn An Đức, được nối với Quốc lộ 37;
- Quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ đã xác định có tuyến đường vành đai V của Thủ đô trên địa bàn xã Quảng Nghiệp theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Hiện trạng giao thông trên địa bàn có tuyến Quốc lộ 37 theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, tuyến đường Huyện 191B về phía Bắc; việc phát triển hệ thống giao thông của khu vực đối ngoại để kết nối liên vùng tạo động lực và thuận lợi cho xã Quảng Nghiệp phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới;
- Cải tạo, mở rộng hệ thống đường các trục chính: Trục đường xã, các tuyến đường trục thôn, xóm. Các khu hạ tầng kỹ thuật bố trí đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh môi trường;
- Các khu vực chức năng khác vẫn giữ nguyên và là nguồn đất dự trữ cho phát triển sau này.

5. Phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất

a) Quy hoạch tổng thể phân khu chức năng gồm: Định hướng phát triển trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn; hệ thống công trình công cộng, thương mại, dịch vụ; các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phân khu chức năng; các chỉ tiêu sử dụng đất được xác định theo bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng	Mã hiệu đất	Hiện trạng (Ha)	Tỷ lệ (%)	Biến động đất đai (ha)			
					Tăng	Giảm	Diện tích	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		368,76	100,00			368,76	100,00
I	Đất nông nghiệp	NNP	256,67	69,60			200,09	54,26
1	Đất sản xuất nông nghiệp	LUA	171,30	46,45			116,21	31,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	154,46	41,89		54,06	100,40	27,23
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,17	0,05			0,17	0,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	16,67	4,52		1,03	15,64	4,24
2	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	85,36	23,15	19,07	22,24	82,20	22,29
3	Đất nông nghiệp khác	NKH			1,68		1,68	0,46
II	Đất xây dựng	PNN	86,52	23,46			143,22	38,84
1	Đất ở	OCT	43,93	11,91	2,32		46,25	12,54
2	Đất công cộng	CCC	3,60	0,98			7,94	2,15
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,55	0,15			0,55	0,15
2.2	Đất an ninh	CAN			0,10		0,10	0,03
2.3	Đất cơ sở văn hoá	DVH	0,57	0,16	0,26	0,39	0,45	0,12
2.4	Đất cơ sở y tế	DYT	0,19	0,05			0,19	0,05
2.5	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,63	0,44	0,53		2,16	0,58
2.6	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,62	0,17	2,02	0,34	2,30	0,62
2.7	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,03	0,01	2,15		2,18	0,59
3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,92	0,25			0,92	0,25
4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,97	0,81			31,77	8,61
4.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,29	0,62	28,52		30,81	8,36
4.2	Đất thương mại - dịch vụ	TMD	0,30	0,08	0,27		0,58	0,16
4.3	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,38	0,10			0,38	0,10
5	Đất hạ tầng kỹ thuật		35,10	9,52			56,35	15,28
5.1	Đất giao thông	DGT	14,23	3,86	23,36		37,58	10,19

STT	Mục đích sử dụng	Mã hiệu đất	Hiện trạng (Ha)	Tỷ lệ (%)	Biến động đất đai (ha)			
					Tăng	Giảm	Diện tích	Tỷ lệ (%)
5.2	Đất thủy lợi	DTL	18,20	4,93		3,34	14,86	4,03
5.3	Đất để chuyển đổi năng lượng	DNL	0,01	0,00			0,01	0,00
5.4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,22	0,06	0,19		0,41	0,11
5.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,45	0,66	1,03		3,48	0,94
III	Đất khác		25,57	6,94			25,45	6,90
1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	23,42	6,35			23,42	6,35
2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,16	0,59		0,12	2,03	0,55

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. San nền, thoát nước

a) San nền

- Đảm bảo tiêu thoát nước nhanh, không ngập lụt vào mùa mưa, không làm ảnh hưởng đến việc tiêu, thoát nước hiện có của khu vực lân cận;
- Đảm bảo độ dốc thoát nước tự chảy theo tiêu chuẩn;
- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp;
- Trên cơ sở cao độ của các tuyến đường trục xã và cao độ nền các lô đất trong các khu dân cư mới, khu trung tâm và các thôn cũ của xã Quảng Nghiệp; lựa chọn quy hoạch cao độ và độ dốc san nền như sau:
 - Cốt cao độ trung bình các thôn hiện có từ +2,15m đến +2,80m;
 - Cao độ các tuyến đường giao thông thấp nhất +1,80m, cao độ cao nhất +2,80m;
 - Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tự chảy $i = 2\%$.

6.2. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại (theo quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ):

- Đường vành đai V Thủ đô chạy qua xã có lộ giới đường 98,0m (12,5m (đường gom) + 73,0m (nền đường và HLG) + 12,5m (đường gom));
- Tuyến Quốc lộ 37 đi qua địa bàn xã có lộ giới 30,5m (16,5m + 12,0m + 2,0m + kênh tiêu Chùa So - Quảng Giang). Tại các khu vực quy hoạch mới bố trí đường gom nằm ngoài hành lang giao thông của Quốc lộ 37;
- Tuyến Huyện lộ 191B đầu nối với Quốc lộ 37 từ Quán Ngái đi xã Đại Hợp có lộ giới 32,0m (11,5m + 9,0m + 11,5m). Phía bắc đường Huyện 191B quy hoạch đất công nghiệp, bố trí đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ

(7,5m mặt đường + 5m vỉa hè).

b) Giao thông nội bộ

Giao thông đối nội bao gồm đường xã, đường thôn, đường ra đồng, cơ bản cải tạo và mở rộng trên cơ sở nền các tuyến đường hiện có; cụ thể:

- Tuyến đường trục xã với mặt cắt 3-3 có lộ giới quy hoạch là 13,5m (3,0m+7,5m+3,0m);
- Tuyến đường trục thôn với mặt cắt 4-4 có lộ giới quy hoạch là 11,5m (3,0m+5,5m+3,0m);
- Tuyến đường ngõ, xóm chỉnh trang cải tạo với mặt cắt 5-5 có lộ giới quy hoạch 8,5m (1,5m+5,5m+1,5m);
- Tuyến giao thông nội đồng với các tuyến đường chính có mặt cắt 6-6 (1,0m+5,5m+1,0m).

6.3. Cấp điện

a) Nhu cầu sử dụng điện

- Dự báo phụ tải điện sinh hoạt: 2.800 kVA;
- Nhu cầu cấp điện cho các công trình công cộng: $S_{cc} = 10\% S_{tt} = 280$ kVA;
- Điện cho chiếu sáng và dự phòng: $S_{dp} = 10\% S_{tt} = 280$ kVA.

Tổng nhu cầu sử dụng điện toàn xã đến năm 2030 (không tính phụ tải cho công nghiệp): 3.360 kVA.

b) Nguồn điện trung áp lấy tại nhánh 35kV lộ 373-375 trạm biến áp 110kV Ngọc Sơn.

c) Phương án cấp điện dự kiến đến năm 2030

- Hiện xã có 07 trạm biến áp với tổng công suất 2.480 kVA;
- Dự kiến nâng cấp toàn bộ các trạm biến áp hiện có để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện cho toàn xã;
- Toàn bộ đường dây trung thế 35KV truyền tải điện đến các trạm biến áp của xã đều đi nổi trên cột;
- Đường dây hạ thế và chiếu sáng:
 - + Kết cấu lưới hạ thế 0,4KV theo mạng hình tia; mạng lưới điện hạ thế đi nổi trên cột chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư. Sử dụng cột điện bê tông li tâm cao 8,5m ÷ 10,5m;
 - + Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính có mặt cắt đường từ 4,0m trở lên; đường dây điện trong các khu dân cư cũ bố trí đi nổi, kết hợp cấp điện hạ thế và chiếu sáng; trong các khu dân cư mới hình thành, điện hạ thế và chiếu sáng đi ngầm vỉa hè đường, đảm bảo mỹ quan.

d) Quy mô trạm biến áp phục vụ cấp điện trên địa bàn xã theo bảng sau:

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (KVA)	Công suất nâng cấp (KVA)
1	TBA thôn Mỹ Đức	320	560
2	TBA trạm bơm Đò Bía	560	560
3	TBA thôn An Đức	320	400
4	TBA thôn Kiêm Tân 1	320	560
5	TBA thôn Kiêm Tân 2	320	560
6	TBA thôn Kiêm Tân 3	320	560
7	TBA Trạm Bơm	320	400
Tổng công suất		2.480	3.600

6.4. Cấp nước

a) Xác định mục đích sử dụng nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt; nước phục vụ công cộng, dịch vụ; nước thất thoát;
- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 là 1.470 m³/ngày đêm.

b) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Sử dụng nguồn nước sạch lấy từ nhà máy nước Quảng Nghiệp;
- Đường ống cấp nước thiết kế là dạng mạng lưới kết hợp sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy; đường ống các trục chính có đường kính $\Phi 160$ mm, các trục nhánh có đường kính từ $\Phi 63 \div 90$ mm. Trên bản vẽ là hệ thống đường trục chính, các đường trục phụ kết nối với đường trục chính theo nhu cầu sử dụng nước của các hộ dân cư;
- Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy cho khu trung tâm và các khu dân cư hình thành mới (*đi kèm theo dự án*); Cấp nước chữa cháy kết hợp đặt các trụ cứu hỏa trên mạng đường ống phân phối $\Phi 110$.

6.5. Thoát nước

a) Thoát nước mặt

- Nguyên tắc thiết kế: Xây dựng hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải, hình thức hở kết hợp kín giữa nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước được xây dựng là thoát nước tự chảy hoàn toàn, thống nhất với hệ thống thủy lợi;
- Hệ thống rãnh thoát nước: Bố trí các rãnh thoát nước B400-B1000, có nắp đan bê tông dọc các tuyến đường trục chính của thôn, đường trục xã chảy ra hệ thống thoát nước chung;
- Hướng thoát nước chủ yếu của xã dốc dần từ Bắc xuống Nam, thoát ra hệ thống kênh Chùa So - Quảng Giang và sông Đình Đào. Căn cứ vào lưu vực thoát lũ của huyện, xã Quảng Nghiệp định hướng chia làm 3 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Phía Đông đường Quốc lộ 37 (*chủ yếu thuộc khu vực thôn Mỹ Đức*) tiêu thoát theo hướng Bắc - Nam ra kênh Chùa So - Quảng Giang;

- Lưu vực 2: Phía Tây của đường Quốc lộ 37 (*thuộc địa phận thôn An Đức*) thoát theo hướng Đông - Bắc ra kênh Chùa So - Quảng Giang;

- Lưu vực 3: Phía Nam của xã (*thuộc địa phận thôn Kiêm Tân*), nước mặt thoát theo các kênh mương thủy lợi rồi đổ ra sông Đình Đào, qua trạm bơm công suất 7.500m³/h.

b) Thoát nước thải

- Hệ thống công thoát nước: Nước thải sau khi xử lý cục bộ tại bể tự hoại ở mỗi gia đình được thoát ra hệ thống cống bê tông kín rồi đổ về trạm xử lý nước thải theo quy hoạch của vùng huyện Tứ Kỳ nằm trên địa bàn xã Dân Chủ. Tại những trục đường quy hoạch mới, đặt hệ thống cống tròn BTCT ở lề đường, đường kính D300-D400, độ dốc dọc đường cống từ 0,25% ÷ 0,33%, rãnh xây B400;

- Làm mới và nâng cấp toàn bộ rãnh thoát nước ở các trục đường thôn, xóm thành các rãnh bê tông có nắp đậy; Cải tạo mương dẫn vào trạm bơm;

- Nước thải sản xuất công nghiệp được thu gom và xử lý riêng đảm bảo yêu cầu nguồn tiếp nhận trước khi xả.

6.6. Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; bố trí diện tích cây xanh cách ly, khu nghĩa trang, nghĩa địa và khu dân cư;

- Gìn giữ đất mặt có khả năng canh tác của khu vực chưa sử dụng; phủ xanh các khu vực đất trống;

- Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nơi tập kết rác cho từng thôn và xử lý rác chung cho toàn xã;

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 100% dân cư. Rác thải thu gom chở về bãi tập kết rác tại từng thôn, sau đó vận chuyển về bãi xử lý rác thải tập trung của huyện Tứ Kỳ (*Theo quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ*).

7. Đánh giá môi trường chiến lược

7.1. Hiện trạng môi trường

Xã Quảng Nghiệp được quy hoạch sản xuất công nghiệp, nông nghiệp cây lúa, nuôi thủy sản và trồng rau màu là chính. Hiện trạng cây lúa, trồng cây rau màu đang sử dụng rất nhiều các loại phân bón hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật, hoạt động chăn nuôi (*nuôi cá*) sử dụng nhiều thức ăn công nghiệp là một trong những nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước mặt.

Do vậy, hiện trạng môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường không khí, tiếng ồn; môi trường đất đang bị suy giảm và ô nhiễm.

7.2. Định hướng quy hoạch giảm thiểu tác động môi trường

Mục tiêu và định hướng quy hoạch đến năm 2030 là nghiên cứu các biện pháp nhằm cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu mức thấp nhất các tác động môi trường; trong đó:

- Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý, thu gom và vận chuyển rác thải; tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong các khu dân cư;

- Lồng ghép các quy chuẩn về chất lượng môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xây dựng các khu dân cư mới, dự án khai thác tài nguyên thiên nhiên, xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực;

- Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương thủy lợi, kênh thoát nước Chùa So - Quảng Giang và sông Đình Đào.

7.3. Các giải pháp quản lý, kỹ thuật bảo vệ môi trường

a) Bảo vệ môi trường

- Quy hoạch đất ở dân cư nông thôn, phân bố hợp lý các khu dân cư, đảm bảo khoảng không gian cách ly với các khu vực nhạy cảm với môi trường;

- Thiết kế, xây dựng hệ thống cấp nước và thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và khí thải. Rà soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường để từng bước có biện pháp xử lý, khắc phục. Chuyển các trại chăn nuôi gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; khuyến khích xây dựng hầm bioga;

- Phát triển không gian cảnh quan cây xanh, tạo điều kiện cải thiện môi trường nghỉ ngơi cho người dân.

b) Khai thác, sử dụng tổng hợp có hiệu quả tài nguyên nước

- Điều tra nghiên cứu khai thác nguồn nước sông thủy nông của khu vực; thiết kế xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong tương lai;

- Xử lý các nguồn nước thải gây ô nhiễm trong các hoạt động tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp. Xử lý bùn đất, rác thải tồn đọng ở các khu vực sông quan trọng, các đoạn kênh và mương máng phục vụ sản xuất nông nghiệp (*xử lý triệt để đoạn kênh thoát nước Chùa So - Quảng Giang và sông Đình Đào*).

- c) Các giải pháp về chính sách quản lý môi trường: Tăng cường phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức cho nhân dân về môi trường. Kiểm soát và hướng dẫn thực thi pháp luật về môi trường thường xuyên, có hiệu quả; xử lý sai phạm phải kịp thời và kiên quyết.

8. Các chương trình, dự án ưu tiên, giải pháp huy động nguồn lực:

Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho các giai đoạn quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển được chia thành 2 giai đoạn.

8.1. Trong những năm đầu đến năm 2025

- Ưu tiên việc cải tạo, nâng cấp những công trình hạ tầng xã hội hiện trạng tại địa phương; trong đó đầu tư xây dựng mở rộng trường Tiểu học, xây dựng khu công viên cây xanh, bãi đỗ xe;

- Xác định các khu vực cần bảo vệ, cần tôn tạo thuộc phạm vi nghiên cứu quy hoạch;

- Mở rộng các khu nghĩa trang nhân dân, trồng cây xanh cách ly tại các điểm quy mô lớn; từng bước di dời các điểm nghĩa trang nhân dân có quy mô nhỏ, lẻ;

- Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thực hiện việc san lấp, giải tỏa mặt bằng và đền bù tại những khu vực trọng điểm giáp các trục đường chính, các khu vực dự kiến kết nối với các xã lân cận...;

- Quy hoạch các dân cư mới: Ưu tiên việc quy hoạch xây dựng tại khu vực trung tâm, thuận lợi trong việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các khu vực đông dân cư có nhu cầu giãn dân;

- Thực hiện thu hồi quỹ đất nông nghiệp tại một số khu vực hiện đang sử dụng chưa hiệu quả và những khu vực ưu tiên phát triển theo nội dung quy hoạch.

8.2. Giai đoạn năm 2025 - 2030

- Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thực hiện việc san lấp, giải tỏa mặt bằng và đền bù trong khu vực nội bộ còn lại;

- Từng bước đầu tư các hạng mục công trình hạ tầng thương mại, dịch vụ, công cộng... thực hiện giải tỏa và đền bù để xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại các tuyến giao thông dự kiến;

- Triển khai các dự án đầu tư xây dựng những hạng mục còn lại.

(Nội dung quy hoạch, các chỉ tiêu chi tiết tại hồ sơ thuyết minh và phương án quy hoạch kèm theo).

III. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Nội dung chi tiết theo Quy định quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định kèm theo.

Điều 2. Giao UBND xã Quảng Nghiệp chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng thời gian và thực hiện việc cấm mốc, quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính – Kế hoạch; Chủ tịch UBND xã Quảng Nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
 - Lưu: VT, KTHT.
- } (để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Thị Hà